

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 50 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 11 - 2020

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thúy Kiên – Nguyên Hiệu trưởng trường THPT Thuận Hưng, quận Thốt Nốt

2/ Ông Nguyễn Văn Thảo – Cán bộ UBND phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 286/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Th M**, sinh năm 1983 (*có mặt*)

Địa chỉ: khu vực 1, phường A, quận B, thành phố Y.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1965 (*yêu cầu vắng mặt*)

Người có quyền và lợi ích được bảo vệ: Cháu **Phạm Hoàng Th**, sinh ngày 23/10/2008 (*yêu cầu vắng mặt*).

Giám hộ cho cháu Th: Ông Phạm Văn S (cha ruột)

Cùng địa chỉ: khu vực 1, phường X, quận B, thành phố Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Huỳnh Thị Th M trình bày như sau:

Hôn nhân giữa chị và anh S đến với nhau do tự quen biết vào năm 2003, tìm hiểu khoảng 3 tháng thấy hợp nhau nên đã về chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Đời sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S có tính ghen và đi làm đưa tiền cho chị không đủ chi tiêu sinh hoạt hàng ngày nên chị có mượn tiền và thiếu nợ bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh S nghĩ chị làm nợ riêng, dẫn đến đời sống không hạnh phúc. Tháng 4/2018 chị và anh S sống ly thân cho đến nay, thời gian ly thân không ai quan tâm ai, chị đi Bình Dương làm còn anh S ở nhà.

Nay nhận thấy về tình cảm đối với anh S không còn nữa nên yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: chị và anh S chỉ có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2008, trong thời gian ly thân cháu Th do anh S nuôi dưỡng, khi ly hôn chị giao cháu Th cho anh S nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn S trong quá trình giải quyết vụ án trình bày :

Về hôn nhân: anh thống nhất lời trình bày của chị M về thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, không tổ chức lễ cưới, cũng không đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị M trình bày không đúng, anh đi làm có đưa tiền cho M theo anh là đủ để chi tiêu sinh hoạt gia đình, nhưng M thường xuyên gây nợ bên ngoài mà anh không biết lý do gì. Nay qua yêu cầu của chị M anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: thống nhất với chị M chỉ có 01 con chung là đúng. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, và nợ: không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ: cháu Phạm Hoàng Th là con chung của anh S và chị M, cháu có nguyện vọng được sống chung với anh S khi cha mẹ ly hôn, không yêu cầu gì khác đối với chị M.

Để giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh S, tại biên bản xác minh ngày 20/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, địa phương cho biết anh S và chị M chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2008. Anh, chị chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không rõ.

Phản các đương sự trình bày tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Phạm Văn S. Về con chung: có 01 con chung cháu Phạm Hoàng Th, giao cho anh S nuôi dưỡng. Về tài sản chung, riêng, nợ: không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: không công nhận chị Huỳnh Thị Th M và anh Phạm Văn S là vợ chồng; Về con: giao cháu Phạm Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2008 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đây là vụ án về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Văn S có nơi cư trú tại: khu vực 1, phường X, quận B, thành phố Y, nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh S và cháu Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do phát sinh mâu thuẫn nên anh chị không còn sống chung với nhau, đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, chị M yêu cầu được ly hôn với anh S. Xét yêu cầu khởi kiện của chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình 2014 cần tuyên bố quan hệ chung sống giữa chị M và anh S pháp luật không công nhận là vợ chồng.

[3] Về con: chị M và anh S có 01 con chung cháu Phạm Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2008. Anh chị thống nhất giao cháu Th cho anh S nuôi dưỡng. Do đó, công nhận sự tự nguyện, giao cháu Th cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 4; 5; 6 Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 235; Điều 262, 264 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, Điều 51, 53, 56, 57, 59, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị Th M và anh Phạm Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2008 cho anh Phạm Văn S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, chị Huỳnh Thị Th M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị M không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Th M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp án phí theo biên lai số AA/2019/012423 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, chị M không phải nộp thêm án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Khúc Thị Hồng